

UNIT 7 – LESSON 2

PART 1: GRAMMAR

1. Câu điều kiện loại 1 (Conditional sentences type 1 - Review)

1.1. Cấu trúc

If clause	Main clause
If + Subject + V (present simple)	Subject + will/may/might/could + V (bare infinitive)

1.2. Cách dùng

Câu điều kiện loại 1 mô tả hành động, tình huống có thật hoặc có khả năng cao sẽ xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai.

Ví dụ:

If I see him tomorrow, I will speak to him.

I will not let her in if she is late again.

If anything changes, I will let you know.

1.3. Lưu ý

- Khả năng xảy ra trong câu điều kiện là khả năng của hành động trong mệnh đề *if* chứ không phải hành động trong mệnh đề chính.

- Có thể thêm *would* vào trước động từ trong mệnh đề *if* trong câu nói lịch sự.

Ví dụ: If you would see me tomorrow, I will show you my new car.

- Có thể dùng câu mệnh lệnh hoặc câu đề nghị trong mệnh đề chính.

Ví dụ:

If you see David, please give him this pen.

Could you give David this pen if you see him?

May I see you for a while if you don't mind?

- *May*, *might* và *could* có thể được sử dụng thay cho *will* trong mệnh đề chính nhưng khi đó sự chắc chắn xảy ra của hành động trong mệnh đề *if* sẽ giảm đi.

Ví dụ:

If I see him tomorrow, I will speak to him. (Việc tôi sẽ nói chuyện với anh ấy là chắc)

chance sẽ xảy ra nếu tôi gặp anh ấy)

If I see him tomorrow, I may/might/could speak to him. (Việc tôi sẽ nói chuyện với anh ấy chưa chắc sẽ xảy ra cho dù tôi gặp anh ấy)

2. Câu điều kiện loại 2 (Conditional sentences type 2)

2.1. Cấu trúc (Structure)

If clause	Main clause
If + Subject + V (past simple)	Subject + would/could/might + V (bare infinitive)

2.2. Cách dùng (Uses)

- Câu điều kiện loại 2 mô tả sự việc ít có khả năng xảy ở hiện tại hoặc tương lai.

- Ví dụ:

I don't often see him. □ If I saw him tomorrow, I would speak to him.

I don't think anything will change. ▢ If anything changed, I would let you know.

- Câu điều kiện loại 2 mô tả sự việc không có thật ở hiện tại hoặc tương lai, một giả thuyết.

- Ví dụ:

I don't have any time this week

⇒ *If I had some time, I would go out for dinner.*

I am not a teacher

⇒ *If I were a teacher, I would apply for that job.*

- Câu điều kiện loại 2 còn được dùng để đưa ra lời khuyên.

- Ví dụ:

If I were you, I wouldn't do so.

If I were you, I would buy a new car.

2.3. Lưu ý

- Khả năng xảy ra trong câu điều kiện là khả năng của hành động trong mệnh đề *if* chứ không phải hành động trong mệnh đề chính.

- Động từ *to be* trong câu điều kiện loại 2 là *were* cho tất cả các đại từ. Trong một vài

trường hợp *was* được chấp nhận nhưng để chắc chắn đúng trong mọi trường hợp, ta nên dùng *were* cho tất cả các đại từ làm chủ ngữ.

- *Might* có thể được sử dụng thay cho *would* trong mệnh đề chính nhưng khi đó sự chắc chắn xảy ra của hành động trong mệnh đề đó sẽ giảm đi.

Ví dụ:

If she were late again, I would not let her in. (Việc tôi sẽ không cho cô ấy vào là chắc chắn)

If she were late again, I might not let her in. (Tính chắc chắn của việc tôi sẽ không cho cô ấy vào đã giảm đi)

Note: Không dùng *should* để thay thế cho *would* trong câu điều kiện loại 2.

PART 2: PRACTICE

I. Put the verb in brackets into the correct form of conditional sentences type 1.

1. If I (have) _____ time, I (finish) _____ that letter.
2. What _____ you (do) _____ if you (miss) _____ the plane?
3. Nobody (notice) _____ if you (make) _____ a mistake.
4. If you (drop) _____ that glass, it (break) _____.
5. If you (not leave) _____, I (call) _____ the police.
6. I (finish) _____ that letter if I (have) _____ time.

II. Use the given words to write the complete conditional sentences type 2

1. If/ I/ be/ you/ I/ eat/ more vegetables.

2. More/ foreign tourists/ come/ here/ if/ environment/ clean.

3. What/ happen/ if/ there/ be/ no woman/ world?

4. If/ I/ be/ his father/ I/ ask/ him/ learn English/ better.

5. If/ there/ be/ no war/ earth/ people/ live/ peace/ forever.

6. Flood/ not happen/ so regularly/ if/ people/ not cut down/ so many/ tree.

7. If/ they/ tell/ their father/ he/ be/ very angry.

8. She/ spend/ a year/ USA/ if/ it/ be/ easy/ get/ green card.

9. If/ I/ live/ lonely island/ I/ be/ very sad all day.

10. My brother/ buy/ sport car/ if/ he/ have/ money.

III. Choose the best answer to complete each of the following sentences.

1. If I were you, I _____ for a new car to buy.

A. would look B. will look C. look D. looking

2. If Trang _____ ill, she would go out with us.

A. isn't B. aren't C. wasn't D. not been

3. If there _____ fewer cars on the road, there would be less accident.

A. is B. were C. are D. be

4. If people really cared about environment, they _____ waste into rivers.

A. didn't dump B. don't dump C. shan't dump D. wouldn't dump

SB8 – UNIT 7

5. You _____ so tired if you went to bed earlier.
A. won't be B. shan't be C. couldn't be D. wouldn't be
6. If you really _____ me, you would buy me a diamond ring.
A. loved B. love C. loves D. loving
7. If I knew where she lived, I _____ and see her.
A. will go B. would go C. should go D. went
8. If I _____ taller, I would buy this dress.
A. am B. are C. were D. being
9. If I won a lottery, I _____ a lot on charity.
A. spend B. spent C. will spend D. would spend
10. If the supermarket is open, I _____ some food there.
A. will buy B. would buy C. bought D. has bought
11. I will talk to her if you _____ to do it.
A. won't want B. didn't want C. don't want D. doesn't want
12. If I _____ more money, I would buy a better car.
A. have B. had C. will have D. would have
13. If I _____ the lottery, I would be a millionaire.
A. win B. wins C. winning D. won
14. I will discuss that problem with him if I _____ him tomorrow.
A. see B. sees C. to see D. seeing
15. If I knew Chinese, I _____ for job in China.
A. will apply B. would apply C. will be applied D. would be applied

IV. Find ONE mistake in each of the following sentences and correct it.

1. When it stopped raining, I would go to see him.

- A. When B. raining C. would D. to see

2. You would miss the bus if you wouldn't hurry up.

- A. would miss B. if C. wouldn't D. hurry up

3. How much would it be if I pay by cheque?

- A. would B. if C. pay D. by cheque

4. If I were you, I will go jogging every morning.

- A. were B. will C. jogging D. every morning

5. He should go to the concert if you gave him your ticket.

- A. should B. the concert C. gave D. your ticket

6. We might buy a larger house when we had more money.

- A. might buy B. larger house C. when D. had

V. Put the verbs in brackets into the correct form.

1. I'll only stay if you (offer) _____ me more money.

2. If anyone (call) _____, tell them I'm not at home.

3. If he (improve) _____ his IT skills, he'd easily get a job.

4. If I was in charge, I (do) _____ things differently.

5. She (glare) _____ at me if I go near her desk.

6. If I were you, I (not do) _____ that.

7. If I (have) _____ more time, I would do more on my websites.

8. If I were a rich man, I (buy) _____ a home like a palace.

9. If I (speak) _____ English very well, I would look for a job in foreign companies.

10. If I (understand) _____ what the teacher said, I could tell you.